

Số: /KL-TTTH

Thanh Hoá, ngày tháng 4 năm 2026

KẾT LUẬN

Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hoá (XHH) tại Trường THPT Bim Sơn

Thực hiện Quyết định thanh tra số 386/QĐ-TTTH ngày 23/01/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hoá khác tại Trường THPT Bim Sơn và Trường THPT Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra và Báo cáo thẩm định dự thảo kết luận thanh tra. Chánh Thanh tra tỉnh kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động thu, chi tài chính và các khoản huy động xã hội hoá (XHH) tại Trường THPT Bim Sơn, như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường THPT Bim Sơn được thành lập theo Quyết định số 714TC/UBTH ngày 02/6/1984; được đổi tên theo Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

Giai đoạn từ năm 2021- 2025, Trường THPT Bim Sơn là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; từ năm 2026 là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Bộ máy tổ chức của Trường đến thời điểm thanh tra, gồm: 01 Hiệu Trưởng, 01 Phó Hiệu Trưởng, 6 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng:

Biên chế người làm việc được giao: Năm học 2021-2022, số biên chế được giao là 59 người; Năm học 2022-2023, số biên chế được giao là 59 người; Năm học 2023-2024, số biên chế được giao là 60 người; Năm học 2024-2025, số biên chế được giao là 60 viên chức và 04 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; Năm học 2025-2026, số biên chế được giao là 60 viên chức và 04 hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP.

Chỉ tiêu học sinh: Năm học 2021 - 2022, số học sinh có mặt bình quân là 998 học sinh; Năm học 2022 - 2023, số học sinh có mặt bình quân là 1.050 học sinh; Năm học 2023 - 2024, số học sinh có mặt bình quân là 1.102 học sinh; Năm

học 2024- 2025, số học sinh có mặt bình quân là 1.148 học sinh; Năm học 2025-2026, số học sinh có mặt bình quân là 1.177 học sinh.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động thu, chi tài chính

1. Việc lập, phân bổ, giao dự toán thu – chi

DVT: 1.000 đồng.

TT	Diễn giải	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Ngân sách nhà nước cấp	10.556.882	9.942.725	11.222.227	13.797.410	19.227.478
	- Kinh phí thường xuyên	9.974.000	9.700.000	10.155.000	11.130.373	16.546.654
	- Kinh phí không thường xuyên	582.882	242.725	1.067.227	667.037	2.680.824
II	Nguồn thu sự nghiệp	1.726.613	3.745.904	4.712.804	5.579.299	3.755.526
1	Học phí	1.037.788	2.056.311	1.137.628	1.496.728	1.832.530
2	Học thêm	456.445	1.364.578	3.361.519	3.701.145	1.425.585
3	Thu tuyển sinh	39.060	39.585	84.000	104.400	106.920
4	Thi nghề PT		42.970	23.880	0	0
5	Thu từ gửi xe	193.320	242.460	105.777	277.026	390.491

Kiểm tra cho thấy,

Căn cứ vào chỉ tiêu học sinh được cấp có thẩm quyền giao theo từng năm học; biên chế số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên làm việc tại Trường; các kế hoạch nhiệm vụ chi chuyên môn, nghiệp vụ trong năm kế hoạch, Nhà trường đã xây dựng dự toán thu, chi đảm bảo định mức, tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Điều 12, Điều 13 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; thực hiện giao, phân bổ dự toán chi tiết đến từng nội dung, nhiệm vụ chi.

2. Việc thực hiện dự toán thu, chi tài chính

2.1. Xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ

Để quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ và kinh phí hoạt động sự nghiệp đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả, phù hợp với hoạt động, đơn vị đã xây dựng và ban hành các định mức, tiêu chuẩn, chế độ để thực hiện các nội dung chi tại Quyết định số 01/QĐ/THPT-BS ngày 01/01/2021, Quyết định số

06/QĐ-THPTBS ngày 14/01/2022, Quyết định số 02/QĐ-THPTBS ngày 05/01/2023, Quyết định số 03/QĐ-THPTBS ngày 05/01/2024, Quyết định số 14/QĐ-THPTBS ngày 15/01/2025; quy chế chi tiêu nội bộ được tổ chức thảo luận, công khai rộng rãi trong đơn vị đảm bảo theo quy định.

2.2. Về chứng từ, nghiệp vụ kế toán, tài chính, báo cáo đơn vị

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị lập chứng từ kế toán để phản ánh, ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ kế toán phát sinh, các chứng từ được quản lý, lưu trữ khoa học; đơn vị mở sổ kế toán để ghi nhận, phản ánh, theo dõi, tổng hợp đầy đủ các khoản thu, chi ngân sách, thu – chi hoạt động sự nghiệp, thu chi khác; thực hiện chế độ kiểm tra nội bộ đầy đủ, định kỳ thực hiện chế độ báo cáo tài chính đầy đủ, kịp thời lên cơ quan quản lý cấp trên và các cơ quan có liên quan.

Tuy nhiên, còn một số tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm, như sau:

- Một số hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ: Thiếu giấy đề nghị mua sắm, không có biên bản bàn giao tài sản; thiếu kế hoạch mua sắm, quyết định phê duyệt dự toán mua sắm;

- Một số thiết bị làm việc đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính nhưng đơn vị chưa ghi tăng TSCĐ trên sổ kế toán;

- Một số nội dung chi có tính chất chi thường xuyên (*chi giáo viên trực tiếp giảng dạy, giáo viên quản lý lớp học và chi quản lý*), đơn vị đang thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, là chưa đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật phòng chống tham nhũng 2018.

2.3. Việc thực hiện dự toán thu, chi

a) Việc thực hiện dự toán thu, chi các khoản NSNN cấp

DVT: 1.000 đồng.

STT	Diễn giải	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Phần thu	10.556.882	9.942.725	11.222.227	13.797.410	19.227.478
	- Kinh phí thường xuyên	9.974.000	9.700.000	10.155.000	13.130.373	16.546.654
	- Kinh phí không thường xuyên	582.882	242.725	1.067.227	667.037	2.680.824
2	Phần chi	10.556.882	9.839.449	11.187.718	13.738.889	19.003.210
3	Hủy dự toán		103.276	34.509	58.521	31.497

4	Chuyênnguồn					192.771
----------	--------------------	--	--	--	--	---------

Kiểm tra cho thấy, đối với kinh phí nguồn tự chủ được NSNN cấp theo dự toán đầu năm còn dự tại Kho bạc số tiền 192.771.159 đồng, (gồm: 2% kinh phí công đoàn là 111.980.840 đồng không còn nhiệm vụ chi; tiết kiệm 10% chi thường xuyên, số tiền 72.000.000 đồng; kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương, số tiền 8.790.319 đồng không thực chi do nghỉ phép không hưởng lương) phải hoàn trả ngân sách nhưng đơn vị đang chuyển nguồn sang năm 2026 để thực hiện là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật NSNN năm 2025, Công văn số 4176/BTC-KBNN ngày 03/4/2026 của Bộ Tài chính.

b) Việc thực hiện dự toán thu-chi sự nghiệp giáo dục, hoạt động dịch vụ khác

b.1. Kết quả thu – chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động khác

ĐVT: 1.000 đồng.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	PHẦN THU HOẠT ĐỘNG SXKD, DỊCH VỤ	1.726.613	3.745.904	4.712.804	5.579.299	3.755.526
1	Học phí	1.037.788	2.056.311	1.137.628	1.496.728	1.832.530
	Thu học phí	1.003.788	2.026.476	1.099.648	1.452.450	1.789.975
	Kinh phí cấp bù học phí theo ND 86	34.000	29.835	37.980	44.277	42.555
2	Học thêm	456.445	1.364.578	3.361.519	3.701.145	1.425.585
3	Thu tuyển sinh	39.060	39.585	84.000	104.400	106.920
4	Thi nghề PT		42.970	23.880		
5	Thu hoạt động khác	193.320	242.460	105.777	277.026	390.491
-	<i>Trông xe</i>	193.320	242.460	105.778	277.027	390.491
II	PHẦN CHI	848.820	2.157.292	4.528.559	5.181.076	2.664.273
1	Chi từ nguồn học phí lệ phí	192.310	254.379	749.394	722.780	992.333

2	Chi từ nguồn sự nghiệp, dịch vụ	656.510	1.902.170	3.778.101	4.457.800	1.671.932
3	Chi phí tài chính		741	1.064	495	7

Kiểm tra cho thấy,

Đơn vị đã tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi; tổ chức thu, chi đảm bảo định mức theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ; thu nộp các khoản thu học phí, lệ phí học phí vào ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng đảm bảo theo quy định.

b.2) Việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn thu từ học thêm

- Tổng số tiền thu từ học thêm là 10.309.272.000 đồng (Năm 2021 là 456.445.000 đồng, năm 2022 là 1.364.578.000 đồng, năm 2023 là 3.361.519.000 đồng, năm 2024 là 3.701.145.000 đồng, năm 2025 là 1.425.585.000 đồng).

- Tổng số đã chi từ nguồn dạy thêm là 10.299.303.364 đồng (gồm: Năm 2021 là 460.466.300 đồng, năm 2022 là 1.314.013.890 đồng, năm 2023 là 3.272.468.774 đồng, năm 2024 là 3.818.478.700, năm 2025 là 1.433.875.700 đồng).

Kiểm tra cho thấy, giai đoạn từ năm 2021 – 2025, Trường THPT Bim Sơn tổ chức dạy thêm, thực hiện thu và chi từ nguồn dạy thêm đảm bảo theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012.

b.3) Việc thu, quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động khác

- Tổng thu từ hoạt động trông giữ xe từ năm 2021-2025 là 1.209.075.000 đồng;

- Tổng chi là 871.523.000 đồng.

- Chênh lệch hoạt động thu – chi 337.552.000 đồng.

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị kê khai thiếu thuế giá trị gia tăng, thuế nhập doanh nghiệp phải nộp NSNN đối với nguồn thu từ dịch vụ trông giữ xe theo quy định tại Điều 3, Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013; số thuế thu nhập doanh nghiệp kê khai thiếu là 34.529.250 đồng (*làm tròn là 34.529.000 đồng*), thuế giá trị gia tăng kê khai thiếu là 34.529.250 đồng (*làm tròn là 34.529.000 đồng*), cụ thể:

- Năm 2021: Kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, số tiền là 9.666.000 đồng (= 5% x 193.320.000 đồng); Kê khai thiếu thuế giá trị gia tăng phải nộp, số tiền là 9.666.000 đồng (= 5% x 193.320.000 đồng).

- Năm 2022: Kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, số tiền là 12.123.000 đồng ($= 5\% \times 242.460.000$ đồng); Kê khai thiếu thuế giá gia tăng phải nộp, số tiền là 12.123.000 đồng ($= 5\% \times 242.460.000$ đồng).

- Năm 2023: Kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, số tiền là 5.288.875 đồng ($= 5\% \times 105.777.500$ đồng); Kê khai thiếu thuế giá trị gia tăng phải nộp, số tiền là 5.288.875 đồng ($= 5\% \times 105.777.500$ đồng).

- Năm 2024: Kê khai thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, số tiền là 7.451.375 đồng ($= 5\% \times 149.027.500$ đồng); Kê khai thiếu thuế giá trị gia tăng phải nộp, số tiền là 7.451.375 đồng ($= 5\% \times 149.027.500$ đồng);

Tổng số thuế đơn vị kê khai thiếu là 69.058.000 đồng (gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp là 34.529.000 đồng, thuế GTGT là 34.529.000 đồng).

b.4) Việc chi mua sắm, đầu tư, sửa chữa tài sản công

** Về chi mua sắm:*

Giai đoạn từ năm 2021 đến 2025, Nhà trường tổ chức thực hiện 17 gói thầu mua sắm thường xuyên có giá trị dưới 100.000.000 đồng, bằng hình thức chỉ định thầu (Năm 2021 là 01 gói thầu; năm 2022 là 01 gói thầu; năm 2023 là 03 gói thầu; năm 2024 là 06 gói thầu; năm 2025 là 06 gói thầu), với tổng giá trị các gói thầu là 777.573.000 đồng.

Kiểm tra cho thấy, việc tổ chức mua sắm thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Điều 17, khoản 3 Điều 15 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính; Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

** Việc đầu tư, sửa chữa tài sản*

Giai đoạn từ năm 2021 - 2025, Nhà trường thực hiện 08 gói thầu (Năm 2021 là 02 gói thầu, Năm 2023 là 03 gói thầu, Năm 2024 là 01 gói thầu, Năm 2025 là 02 gói thầu), với hình thức chỉ định thầu, tổng giá trị dự toán được duyệt là 3.422.814.024 đồng (Chi phí xây dựng và thiết bị là 2.914.538.400 đồng).

Kiểm tra xác xuất 04/08 gói thầu, gồm: (1) Bảo dưỡng, sửa chữa Trường THPT Bim Sơn (HM: Lát sân, đổ bê tông sân, đường đi, bồn hoa sân trường và các công trình phụ trợ); (2) Mở rộng nhà để xe Trường THPT Bim Sơn; (3) Sửa chữa xây dựng lát gạch sân Trường THPT Bim Sơn; (4) Sửa chữa xây dựng sân nhà A và nhà Hiệu bộ Trường THPT Bim Sơn.

Kiểm tra cho thấy, quy trình, trình tự thủ tục triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày

26/6/2014, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ, các Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.

b.5) Việc trích lập, sử dụng nguồn CCTL và các quỹ

** Về nguồn CCTL:*

- Số đơn vị đã trích từ năm 2021 – 2024 là 1.494.982.376 đồng (Năm 2021 là 500.000.000 đồng, Năm 2022 là 650.000.000 đồng, Năm 2023 là 185.309.190 đồng, Năm 2024 là 159.673.186 đồng).

- Kinh phí CCTL đơn vị phải trích từ năm 2021-2025 là 1.852.235.708 đồng (Năm 2021 là 414.124.280 đồng, Năm 2022 là 635.741.442 đồng, năm 2023 là 185.309.190 đồng, năm 2024 là 159.673.186 đồng, năm 2025 là 457.387.610 đồng).

- Kinh phí CCTL đã sử dụng, số tiền 1.615.000.000 đồng.

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị trích lập nguồn CCTL từ hoạt động sự nghiệp cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/07/2020; Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/07/2021, Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023, Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024.

Tuy nhiên, Đơn vị chưa trích lập đủ tối thiểu 40% số chênh lệch thu chi từ hoạt động thu phí, lệ phí, thu dịch vụ để tạo nguồn CCTL năm 2025, số nguồn CCTL trích lập thiếu là 457.387.610 đồng, là chưa đảm bảo theo quy định tại tiết g khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024.

** Về trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ*

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị trích lập, quản lý, sử dụng các quỹ đảm bảo theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

c) Việc công khai thu – chi tài chính

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị thực hiện công khai thu – chi tài chính cơ bản đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Điều 5, Điều 8 Thông tư số 36/2017/TT-GDDĐT ngày 28/12/2017. Tuy nhiên, Nhà trường chưa thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý, 6 tháng, năm, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 3, Điều 7 Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

II. Thanh tra việc vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản huy động xã hội hoá tại Trường

1. Việc lập, phê duyệt, ban hành kế hoạch vận động các khoản thu xã hội hoá.

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch vận động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân (XHHGD) báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, kế hoạch vận động tài trợ XHH mới được Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản thống nhất chủ trương cho thực hiện là chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018.

2. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản huy động xã hội hoá

Kết quả thu – chi tài chính từ nguồn XHH giáo dục

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Năm	Nội dung huy động	Kỳ trước chuyển sang	Thu	Chi	Chuyển kỳ sau
1	Năm học 2021-2022	Cải tạo, sửa chữa, hệ thống mạng lan của phòng học trực tuyến; sửa chữa nâng cấp bàn ghế học sinh, giao viên; sửa chữa cải tạo sân và hệ thống thoát nước nhà đa năng và nhà hiệu bộ	380.940	320.400	320.748	380.592
2	Năm học 2022-2023	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện ở các phòng học, phòng thư viện, phòng đọc truyền thông; Lắp đặt hệ thống mạng Lan	380.592	343.450	234.005	490.037
3	Năm học 2023-2024		490.037	0	39.195	450.842
4	Năm 2024-2025	Cải tạo, sửa chữa lát đổ bê tông, lát nền - Nhà nhà B	450.842	373.000	434.285	389.557

5	Năm học 2025- 2026		389.557	5.000	385.198	9.359
		Tổng cộng		1.041.850	1.413.431	

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị đã thành lập các Tổ để tiếp nhận các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT; mở sổ kế toán để ghi chép, theo dõi các khoản thu – chi XHHGD, các chứng từ kế toán từ nguồn XHH được thiết lập, lưu trữ đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017, Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024.

Tuy nhiên, Đơn vị chưa xây dựng kế hoạch sử dụng khoản tài trợ trước khi tổ chức thực hiện; chưa có báo cáo quyết toán kết quả hoàn thành và niêm yết công khai kết quả tổ chức thực hiện là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

3. Việc quyết toán và công khai các khoản huy động xã hội hoá

Kiểm tra cho thấy, các khoản tài trợ XHHGD được Đơn vị tổng hợp kịp thời, đầy đủ vào báo cáo quyết toán thu, chi tài chính theo kỳ và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm; được thẩm định, xét duyệt quyết toán các năm và thực hiện công khai cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 18/12/2017.

Tuy nhiên, Đơn vị chưa thực hiện công khai đầy đủ thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ, tình hình thu chi khoản viện trợ XHHGD, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT.

4. Kinh phí huy động 40 năm thành lập trường Năm học 2023-2024

Tổng thu: 1.522.285.292 đồng.

Tổng chi: 1.500.505.500 đồng.

Kiểm tra cho thấy, Đơn vị có Tờ trình số 44/TTr-THPTBS ngày 06/06/2023, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo về chủ trương tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập trường, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức lễ kỷ niệm tại Văn bản số 89/KH-THPTBS ngày 10/10/2023; được Sở Giáo dục và Đào tạo thống nhất chủ trương tổ chức lễ kỷ niệm thành lập trường tại Văn bản số 3306/SGDĐT-VP ngày 18/10/2023; được sự thống nhất của Sở Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã kêu gọi tài trợ từ các cựu học sinh, mạnh thường quân; các khoản thu, chi từ nguồn tài trợ được Nhà trường mở sổ theo dõi, quản lý, thực

hiện chi cho các hoạt động phục vụ tổ chức cho lễ kỷ niệm thành lập trường đảm bảo theo kế hoạch đã được thống nhất.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Ưu điểm

Nhà trường cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong công tác quản lý tài chính, tài sản công; bảo đảm chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, viên chức, người lao động và học sinh; xây dựng, ban hành, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và công khai tài chính trong hoạt động của đơn vị cơ bản đảm bảo theo quy định pháp luật; tổ chức triển khai thực hiện đối với nguồn thu từ XHHGD cơ bản đảm bảo theo quy định, sử dụng đúng mục đích, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của Nhà trường.

2. Những thiết sót, khuyết điểm, vi phạm và trách nhiệm

Bên cạnh ưu điểm nêu trên, còn những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm:

2.1. Về chấp hành trong thu – chi tài chính

- Một số hồ sơ thanh toán chưa đầy đủ, thiếu chặt chẽ; một số thiết bị phương tiện làm việc đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định nhưng chưa được Nhà trường theo dõi trên sổ tài sản; một số nội dung chi có tính chất chi thường xuyên đơn vị đang thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, là chưa đảm bảo quy định.

- Đơn vị chưa hoàn trả NSNN đối với nguồn kinh phí NSNN cấp theo biên chế được giao năm 2025 nhưng không còn nhiệm vụ chi, số tiền là 192.771.159 đồng, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026;

- kê khai thiếu thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với nguồn thu từ dịch vụ trông giữ xe, số tiền 69.058.000 đồng (*gồm: Thuế giá trị gia tăng là 34.529.000 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp 34.529.000 đồng*);

Đơn vị đã chấp hành nộp đầy đủ tiền sai phạm theo Quyết định số 1103/QĐ-TTTH ngày 26/3/2026 của Thanh tra tỉnh vào tài khoản chờ xử lý của Thanh tra tỉnh.

- Chưa trích lập đủ theo tỷ lệ tối thiểu số chênh lệch thu chi từ hoạt động sự nghiệp để tạo nguồn CCTL, trích thiếu nguồn CCTL năm 2025, số tiền là 457.387.610 đồng, là chưa đảm bảo theo quy định tại tiết g khoản 3 Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024;

- Chưa thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý, 6 tháng, năm, là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 3, Điều 7 Thông tư số 61/2017/TT-BTC

2.2. Về vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản huy động xã hội hoá tại Trường

- Kế hoạch huy động kinh phí từ nguồn XHHGD mới được Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản thống nhất chủ trương cho thực hiện; chưa xây dựng kế hoạch sử dụng khoản tài trợ trước khi tổ chức thực hiện; chưa có báo cáo quyết toán kết quả hoàn thành và niêm yết công khai kết quả tổ chức thực hiện là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 5, Điều 7 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018;

- Chưa thực hiện công khai đầy đủ thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ, tình hình thu chi khoản viện trợ XHHGD, là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-GGDĐT.

3. Trách nhiệm

Để xảy ra các thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm trên, trách nhiệm chính thuộc về Hiệu trưởng, Kế toán trưởng và các tập thể, cá nhân có liên quan qua các thời kỳ.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trường THPT Bím Sơn

- Kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân có liên quan đến những tồn tại, khuyết điểm, vi phạm được chỉ ra trong kết luận thanh tra thuộc thẩm quyền; báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền; có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm đã chỉ ra trong kết luận thanh tra;

- Lập và lưu trữ chứng từ kế toán, hồ sơ thanh toán đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp theo quy định;

- Hoàn trả ngân sách Nhà nước kinh phí không còn nhiệm vụ chi, số tiền là 192.771.159 đồng;

- Thực hiện bố trí nguồn để hoàn nguồn CCTL còn trích lập thiếu năm 2025 số tiền 457.387.610 đồng để theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định;

- Thực hiện việc tổ chức huy động, quản lý, sử dụng nguồn huy động XHHGD đảm bảo theo quy định; xây dựng kế hoạch sử dụng khoản tài trợ trước khi tổ chức thực hiện; lập báo cáo kết quả hoàn thành việc vận động và thực hiện công khai niêm yết theo quy định tại Điều 7, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT;

- Báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 25/5/2026.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa tăng cường hướng dẫn Trường THPT Bím Sơn trong công tác quản lý tài chính, ngân sách theo quy định; hướng dẫn

thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn XHH và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với Thuế tỉnh Thanh Hoá

Chỉ đạo, theo dõi, có biện pháp xử lý đối với vi phạm trên của Trường THPT Bim Sơn theo quy định của pháp luật về thuế.

4. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh.

Ban hành văn bản chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường THPT Bim Sơn và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc kết luận, kiến nghị của Thanh tra tỉnh.

III. VIỆC CÔNG KHAI VÀ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA

Việc công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 37; tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 54, Luật Thanh tra năm 2025./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (để p/h);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h);
- Trường THPT Bim Sơn (để t/h);
- Các đồng chí lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Phòng Nghiệp vụ 9 (để xử lý sau thanh tra);
- Lưu VP, ĐTTr.

CHÁNH THANH TRA

Vũ Văn Đạt